| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 141/2024/HS-ST
Ngày 27-9-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG,TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quang Khỏe và bà Phạm Thị Lan

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Việt - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 127/2024/TLST-HS ngày 06/9/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2024/QĐXXST-HS ngày 16/9/2024, đối với các bị cáo:

**1.** Nguyễn Thị H**,** sinh năm 1987, tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thiên T và bà Vũ Thị H1; có chồng là Nguyễn Văn P và hai con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

**2.** Dương Thị Thu H2**,** sinh năm 1981, tại Hưng Yên; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: số nhà A Q, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Cao T1 và bà Dương Thị D**;** có chồng là Lê Trọng H3 và một con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

**3.** Lê Thị Thanh T2, sinh năm 1978, tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: lô 28.32 KĐT phía Tây, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương**;** nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh H4 và bà Bùi Thị Đ**;** có chồng nhưng đã ly hôn và ba con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng :* Bà Nguyễn Thị H5, anh Phạm Chí S, bà Đặng Thị Kim T3, anh Đinh Huy Tuấn A. Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H và Dương Thị Thu H2 có quan hệ quen biết. Đầu năm 2022, H sử dụng mạng xã hội W và quen người có tài khoản là D1 *(không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể)*. Cuối năm 2022, người này nhắn nhờ H thuê người lập tài khoản ngân hàng TMCP N2 (V), Ngân hàng Đ1 (B) và Ngân hàng TMCP Q1 (MB) để sử dụng giao dịch tiền điện tử và nói sẽ trả cho chủ tài khoản 700.000 đồng/tài khoản/tháng. H đồng ý và bảo H2 tìm người cho thuê tài khoản ngân hàng, H2 đồng ý.

Khoảng tháng 2/2023, H2 gặp người quen là bà Nguyễn Thị H5 ở phường B, TP H. H2 bảo bà H5 lập thẻ ngân hàng cho H2 thuê với giá 2.000.000 đồng/3 tài khoản/tháng. Bà H5 đồng ý và đến phòng giao dịch Ngân hàng V, B và M ở thành phố H và lập 3 tài khoản ngân hàng, sau đó giao cho H2 toàn bộ thẻ rút tiền, số tài khoản, tên đăng nhập smart banking, mật khẩu đăng nhập, mật khẩu thẻ rút tiền, mật khẩu OTP. Bà H5 kể việc lập tài khoản ngân hàng để cho thuê với anh Phạm Chí S *(con trai bà* H5*)*, bà Đặng Thị Kim T3 và anh Đinh Huy Tuấn A *(hàng xóm của bà* H5*)*. Anh S, bà T3, anh Tuấn A cũng muốn cho thuê tài khoản lấy tiền nên làm theo cách thức như bà H5, mỗi người lập được 3 tài khoản ngân hàng rồi giao thông tin, thẻ rút tiền cho H2. H2 thông báo cho H việc đã thuê được các tài khoản ngân hàng, H thông báo cho D1 thì D1 bảo H gửi thông tin tài khoản Ngân hàng cùng thẻ rút tiền cho người tên L ở quận A, thành phố Hồ Chí Minh. H đưa thông tin cho H2, H2 viết các thông tin của các tài khoản ngân hàng trên ra một tờ giấy rồi gửi cùng các thẻ rút tiền qua đường bưu điện tới địa chỉ được yêu cầu. Sau đó, D1 giao cho người đàn ông *(không rõ tên tuổi, địa chỉ)* đến đưa cho H 71 triệu đồng để trả tiền thuê tài khoản hàng tháng, H đưa H2 70 triệu đồng, giữ lại 1 triệu đồng. H2 nhận tiền và trả cho bà H5, anh S, bà T3, anh Tuấn A mỗi người 2.000.000 đồng/3 tài khoản/tháng.

Khoảng tháng 6/2023, H2 trao đổi với Lê Thị Thanh T2 về việc cho thuê tài khoản ngân hàng để được trả tiền hàng tháng. T2 đồng ý và cho H2 thuê 01 tài khoản ngân hàng V của T2. H2 thông báo cho H và gửi thông tin tài khoản, thẻ rút tiền của T2 cho L. Sau đó, H2 trả cho T2 600.000 đồng/1 tháng.

Đến tháng 11/2023, người dùng tài khoản D1 bảo H cần thuê tài khoản ngân hàng TMCP Đ2 (S1) và ngân hàng TMCP Á (A1). H thông báo với H2. H2 tiếp tục bảo bà H5, anh S, bá T3, anh Tuấn A và T2 lập tài khoản ngân hàng A1 và S1 để cho thuê. Hà nhập thông tin tài khoản và thẻ rút tiền từ tệp định dạng xlsx rồi gửi qua tin nhắn W cho H để H gửi cho D1. Còn thẻ rút tiền H2 tiếp tục gửi cho người tên L.

Do D1 vẫn có nhu cầu cần thuê thêm tài khoản ngân hàng nên H bảo H2, H2 bảo T2 tìm người khác cho thuê tài khoản ngân hàng, T2 đồng ý. Từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024, T2 liên hệ được 12 người lập và giao thông tin tài khoản ngân hàng gồm: Nguyễn Thị H6, sinh năm: 1974, nơi ĐKTT: Thượng Vũ, Kim T4, Hải Dương; Hà Thị L1, sinh năm: 1990, nơi ĐKTT: lô 28.30 KĐT phía Tây, P. T, TP .; Nguyễn Thị T5, sinh năm: 1974, nơi ĐKTT: thôn T, xã C, huyện K, Hải Dương; Nguyễn Thị H7, sinh năm: 1986, nơi ĐKTT: thôn K, xã T, huyện B, Thanh Hóa; Nguyễn Thị N, sinh năm 1986, nơi ĐKTT: thôn X, xã Q, TX. K, Hải Dương; Đỗ Thị T6, sinh năm: 1976, nơi ĐKTT: xã Q, TX. K, Hải Dương; Ngô Thị T7, sinh năm 1978, nơi ĐKTT: thôn T, xã C, K, Hải Dương; Nguyễn Thị T8, sinh năm: 1977, nơi ĐKTT: xã T, huyện T, Hải Dương; Nguyễn Quỳnh N1, sinh năm: 2004, nơi ĐKTT: thôn N, xã T, T, Hải Dương *(là con của* Nguyễn Thị T8*)*; Bùi Như Q, sinh năm: 1987, nơi ĐKTT: thôn Đ, xã H, T, Hải Dương; Trần Văn T9, sinh năm: 1986, nơi ĐKTT: Q, A, N, Hải Dương. Mỗi người này lập và giao cho T2 01 tài khoản ngân hàng A1 và 01 tài khoản ngân hàng S1. Ngoài ra, còn Đỗ Thị H8, sinh năm 1983, nơi ĐKTT: thôn T, xã G, TP . lập 01 tài khoản V giao cho T2. T2 giao 23 thông tin tài khoản và tài khoản rút tiền của 12 người trên cho H7. H7 nhắn tin cho H để H nhắn cho D1. Còn thẻ rút tiền và sim điện thoại đăng ký tài khoản của những người trên thì H7 gửi cho L. H7 trả tiền cho T2 để T2 trả tiền cho những người nêu trên, trong đó có Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Thị H7, Nguyễn Thị N, Đỗ Thị T6, Ngô Thị T7 mỗi người được T2 trả 2.000.000 đồng/3 tài khoản/tháng; Hà Thị L1, Nguyễn Thị T8 mỗi người được T2 trả 1.000.000 đồng/02 tài khoản/tháng, T2 và H7 mỗi người được hưởng lợi 100.000 đồng/01 tài khoản/tháng. Đối với Bùi Như Q, Trần Văn T9, Đỗ Thị H8 chưa được trả tiền.

Tổng số tài khoản ngân hàng Nguyễn Thị H, Dương Thị Thu H2 thu nhập, mua bán là 46 tài khoản ngân hàng của 17 người gồm có: Nguyễn Thị H5, Phạm Chí S, Đặng Thị Kim T3, Đinh Huy Tuấn A, Lê Thị Thanh T2, Nguyễn Thị H6, Hà Thị L1, Nguyễn Thị T10, Nguyễn Thị H7, Nguyễn Thị N, Đỗ Thị T6, Ngô Thị T7, Nguyễn Quỳnh N1, Nguyễn Thị T8, Bùi Như Q, Trần Văn T9 và Đỗ Thị H8. Số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính là 4.000.000 đồng, số tiền Dương Thị Thu H2 thu lợi bất chính là 13.800.000 đồng.

Tổng số tài khoản ngân hàng Lê Thị Thanh T2 thu thập mua bán là 23 tài khoản của 12 người gồm có Nguyễn Thị H6, Hà Thị L1, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Thị H7, Nguyễn Thị N, Đỗ Thị T6, Ngô Thị T7, Nguyễn Quỳnh N1, Nguyễn Thị T8, Bùi Như Q, Trần Văn T9 và Đỗ Thị H8. Số tiền Lê Thị Thanh T2 thu lợi bất chính là 2.800.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 4050/KL-KTHS ngày 27/6/2024,V1 - Bộ C, kết luận:

1. Trong mẫu vật gửi đến giám định ký hiệu A1 *(01 điện thoại Iphone Xs Max, bên trong gắn thẻ sim Mobifone số 0766.418.476 do* Dương Thị Thu H2

*giao nộp)*: Tìm thấy 88 tin nhắn trong ứng dụng Wechat lưu trữ trong máy điện thoại và 03 tin nhắn SMS lưu trữ trong thẻ sim kèm theo.

2. Trong mẫu vật gửi đến giám định ký hiệu A2 *(01 điện thoại Iphone 12 Pro, bên trong gắn thẻ sim Viettel số 0967.679.246 do* Nguyễn Thị H *giao nộp)*: Tìm thấy 267 tin nhắn *(02 tin nhắn SMS, 265 tin nhắn trong ứng dụng Facebook messenger)* lưu trữ trong máy điện thoại. Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn trong thẻ sim kèm theo.

3. Không tìm thấy tin nhắn trong ứng dụng Wechat lưu trữ trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A3 *(01 máy tính xách tay HP do* Dương Thị Thu H2 *giao nộp)*.

Tại bản Cáo trạng số 128/CT-VKS ngày 01/9/2024, VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Thị H, Dương Thị Thu H2 và Lê Thị Thanh T2 về tội Thu thập, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 291 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi như nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà đại diện VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H, Dương Thị Thu H2 và Lê Thị Thanh T2 phạm tội Thu thập, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng. Áp dụng khoản 1 Điều 291, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Thị H, Dương Thị Thu H2 và Lê Thị Thanh T2. Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H và T2. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H và Dương Thị Thu H2, mỗi bị cáo từ 35.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh T2 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Về các biện pháp tư pháp: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP. Tịch thu cho tiêu hủy 02 sim điện thoại vật lý. Yêu cầu Tập đoàn C1 thu hồi sim thuê bao số 0967679246; Tổng công ty V2 thu hồi sim thuê bao số 0766418476 theo quy định của Luật Viễn thông. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền trong tài khoản sim thuê bao số 0967679246 và số 0766418476 (nếu có). Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 4.000.000 đồng. Tịch thu của bị cáo Dương Thị Thu H2 số tiền 13.800.000 đồng. Tịch thu của bị cáo Lê Thị Thanh T2 số tiền 2.800.000 đồng. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát thành phố H, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra , truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản vụ việc, lời khai của người tham gia tố tụng khác trong vụ án, các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2023 đến tháng 4/2024, Nguyễn Thị H, Dương Thị Thu H2 và Lê Thị Thanh T2 có hành vi thu thập trái phép thông tin tài khoản ngân hàng của nhiều người khác, sau đó chuyển cho người sử dụng tài khoản mạng xã hội W tên D1 để hưởng lợi thì bị phát hiện. Trong đó, Nguyễn Thị H và Dương Thị Thu H2 thu thập, mua bán trái phép 46 tài khoản các Ngân hàng A1, M, V, B, S1 của 17 người khác; Lê Thị Thanh T2 thu thập, mua bán trái phép 23 tài khoản của các Ngân hàng A1, V, S1 của 12 người khác. Bị cáo H thu lợi bất chính được số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo H2 thu lợi bất chính số tiền 13.800.000 đồng, bị cáo T2 thu lợi bất chính được 2.800.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được bảo vệ về bí mật thông tin của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và tạo điều kiện cho việc thực hiện các hành vi trái pháp luật khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi thu thập, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo H, H2 và T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội Thu thập, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều 291 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm, thuộc trường hợp giản đơn.Trong vụ án này, bị cáo H là người đề khởi xướng và trực tiếp liên hệ với người dùng tài khoản Daxiong là người thuê các tài khoản ngân hàng nên giữ vai trò chính. Bị cáo H2, bị cáo T2 tìm và thuê người lập tài khoản ngân hàng, cung cấp thông tin cho H nên giữ vai trò đồng phạm là người thực hành tích cực. Căn cứ Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử xem xét để có mức hình phạt tương xứng hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong vụ án này các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình,

ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H có bố để được tặng Bằng khen vì có thành tích tham gia kháng chiến, bị cáo T2 có bố đẻ là thương binh loại A; nên bị cáo H và bị cáo T2 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Tòa án áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát, cũng đảm bảo việc giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp của các bị cáo là lao động tự do, đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, nên Tòa án không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra quản lý, thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP là các phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Đối với 02 sim điện thoại số 0766418476 và 0967679246 không có giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy. Tại phiên tòa, bị cáo H2, bị cáo H xác định sim điện thoại thuê bao số 0766418476 và 0967679246 khi bị thu giữ không còn tiền trong tài khoản sim điện thoại nên Tòa án không tịch thu số tiền còn lại trong tài khoản sim. Đối với số tiền các bị cáo thu lợi bất chính, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đối với các chủ tài khoản có hành vi lập tài khoản ngân hàng đưa cho các bị cáo để được trả tiền, UBND thành phố H đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng là phù hợp. Đối với Nguyễn Quỳnh N1 đi cùng mẹ là Nguyễn Thị Tân lập tài khoản ngân hàng, N1 không biết tài khoản đó dùng để giao cho T2 nên không có căn cứ xử lý.

[10] Đối với thông tin của người dùng tài khoản Wechat "Daxiong", người đàn ông chuyển tiền cho H và người tên L chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xử lý.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 291, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Dương Thị Thu H2 và Lê Thị Thanh T2.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Lê Thị Thanh T2.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Dương Thị Thu H2 và Lê Thị Thanh T2 phạm tội Thu thập, mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 40.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Dương Thị Thu H2 35.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh T2 25.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP

- Tịch thu cho tiêu hủy: 02 sim điện thoại.

- Yêu cầu Tập đoàn C1 thu hồi sim thuê bao số 0967679246; yêu cầu Tổng công ty V2 thu hồi sim thuê bao số 0766418476, theo quy định của Luật Viễn thông.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 4.000.000 đồng. Tịch thu của bị cáo Dương Thị Thu H2 số tiền 13.800.000 đồng. Tịch thu của bị cáo Lê Thị Thanh T2 số tiền 2.800.000 đồng.

*(Vật chứng được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, có đặc điểm theo như Biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra* Công an thành phố H *và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương)*.

4. Về án phí : Các bị cáo Nguyễn Thị H, Dương Thị Thu H2 và Lê Thị Thanh T2, mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***
- Các bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA thành phố Hải Dương;
- Cơ quan THAHS - CA thành phố Hải Dương;
- Công an thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Sơn**